

Bản án số: **145/2025/HNGĐ-ST**
Ngày 30 - 6 - 2025
“V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hiếu.

2. Bà Ma Thị Như Trang.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thu Hương - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:* Bà Hứa Như Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 30/6/2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức số hóa hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 43/2025/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 02 năm 2025 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28/5/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2025/QĐST-HNGĐ ngày 13/6/2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Trần Thị T, sinh năm 1990.

- **Bị đơn:** Anh Lương Văn Đ, sinh năm 1988.

Cùng nơi cư trú: Thôn T 1, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Anh Đ đã được Tòa án triệu tập, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần nhưng tại phiên tòa vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo nội dung đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và biên bản lấy lời khai (bổ sung), nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lương Văn Đ được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn theo quy định vào ngày 28/5/2012 tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Quá trình chung sống vợ chồng trong thời gian đầu hạnh phúc bình thường đến năm 2021 thì vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn căng thẳng. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi chửi nhau, không

tin tưởng nhau. Chị xác định không còn tình cảm với anh Đ, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị với anh Đ đã quá căng thẳng, trầm trọng, không thể đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con cái. Thực tế vợ chồng chị đã sống ly thân nhau từ năm 2022 đến nay mỗi người một nơi, không ai quan tâm gì đến nhau. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lương Văn Đ theo quy định pháp luật.

- Về con chung: Chị và anh Lương Văn Đ có 03 con chung là cháu Lương Ngọc Y, sinh ngày 20/6/2012, cháu Lương Thị Mai T, sinh ngày 17/9/2014 và cháu Lương Trung H, sinh ngày 07/12/2017. Ly hôn chị nhất trí để anh Đ được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả ba con chung; Chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Đ cho các con chung với mức cấp dưỡng là 500.000 đồng/tháng/cháu (tổng 03 cháu là 1.500.000 đồng/tháng); Phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng; Thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 7/2025 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi trưởng thành.

- Về tài sản chung, đất đai chung và công nợ chung: Chị Trần Thị T xác định chị và anh Lương Văn Đ không có, nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết khi ly hôn.

Chị Trần Thị T xác định anh Lương Văn Đ đã biết và được chị trực tiếp thông báo về việc chị gửi đơn đến Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên để giải quyết việc ly hôn giữa chị với anh Đ, nhưng anh Đ cố tình trốn tránh nghĩa vụ không đến Tòa án làm việc.

Tại phiên tòa, chị Trần Thị T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị T giữ nguyên ý kiến đã trình bày nêu trên, không thay đổi, bổ sung thêm nội dung gì khác.

*** Đối với bị đơn anh Lương Văn Đ:**

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên đã gửi Thông báo thụ lý vụ án số 43/2025/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 02 năm 2025; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28/5/2025 và các văn bản tố tụng khác cho anh Lương Văn Đ biết, báo gọi anh Đ nhiều lần đến Tòa án giải quyết vụ án nhưng anh Đ không trực tiếp đến Tòa án làm việc. Tòa án đã phối hợp với đại diện thôn T 1, xã Thành Long trực tiếp đến nơi cư trú, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của anh Đ để lấy lời khai và làm việc nhưng anh Đ thường xuyên không có mặt ở nhà. Tòa án đã tiến hành làm việc với đại diện chính quyền địa phương (thôn T 1, xã T) và người thân (mẹ đẻ anh Đ) để trực tiếp thông báo về việc chị Trần Thị T gửi đơn đến Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên để giải quyết việc ly hôn giữa chị T với anh Đ, nhưng anh Đ cố tình trốn tránh nghĩa vụ không đến Tòa án làm việc. Như vậy người bị khởi kiện là anh Lương Văn Đ đã cố tình trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục chung theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Toà án tiến hành lấy lời khai của cháu Lương Ngọc Y, sinh ngày 20/6/2012, cháu Lương Thị Mai T, sinh ngày 17/9/2014 và cháu Lương Trung H, sinh ngày 07/12/2017 (là con chung của chị Trần Thị T và anh Lương Văn Đ). Cháu Y, cháu T và cháu H cùng trình bày khi bố mẹ cháu giải quyết ly hôn, các cháu có nguyện vọng

được trực tiếp ở cùng với bố các cháu là anh Lương Văn Đ, các cháu tự nguyện ở với bố và không bị ai xúi giục, ép buộc gì.

Tòa án xác minh tại địa phương thôn T 1, xã T, huyện H được cung cấp: Hiện nay chị Trần Thị T và anh Lương Văn Đ là công dân đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn T 1, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Chị T và anh Đ có được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn với nhau theo quy định vào năm 2012, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Tình cảm vợ chồng trong thời gian đầu chung sống hạnh phúc bình thường, đến khoảng năm 2021 thì vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn, mỗi người đi làm một nơi, không thấy anh chị chung sống cùng nhau tại thôn T 1, xã T nữa. Theo chính quyền được biết thì do chị T và anh Đ xảy ra mâu thuẫn với nhau, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không thống nhất trong làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Ngoài ra, Tòa án còn tiến hành xác minh đối với bà Trần Thị K là mẹ đẻ của anh Lương Văn Đ thể hiện nội dung mâu thuẫn giữa chị T và anh Đ như đại diện thôn T 1 cung cấp; về nơi cư trú của anh Đ thì anh Đ vẫn thường xuyên ở cùng gia đình bà tại thôn T 1, xã T, tuy nhiên hiện nay anh Đ đi làm ở địa phương khác, bà K xác nhận bà đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án số 43/2025/TLST-HNGĐ ngày 28/02/2025 của Tòa án về việc giải quyết ly hôn giữa chị T và anh Đ, do nhân viên bưu điện chuyển đến cho anh Đ, bà đã gọi điện báo cho anh Đ biết toàn bộ nội dung thông báo nhưng anh Đ nói đi làm xa không về được. Để đảm bảo quyền lợi cho đương sự, Tòa án đã phối hợp với chính quyền địa phương tiến hành niêm yết toàn bộ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về tài liệu, chứng cứ: Các đương sự cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm:

- Nguyên đơn chị Trần Thị T cung cấp cho Tòa án: 01 Đơn khởi kiện; 01 Trích lục kết hôn (bản sao); 01 Căn cước công dân mang tên Trần Thị T (bản photo); 03 Giấy khai sinh mang tên Lương Ngọc Y, Lương Thị Mai T, Lương Trung H (bản sao chứng thực); 01 xác nhận thông tin cư trú của Công an xã Thành Long (bản chính).

- Bị đơn anh Lương Văn Đ cung cấp cho Tòa án: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác, báo cho anh Lương Văn Đ đến Tòa án làm việc để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định pháp luật. Tuy nhiên các lần thông báo của Tòa án anh Đ đều không đến làm việc nên Tòa án không tiến hành hòa giải được cho các bên đương sự suy nghĩ lại tình cảm để quay về hàn gắn, đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình. Vì vậy Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định chung của pháp luật.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:*

- *Về tố tụng:* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- *Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự:* Nguyên đơn chị Trần Thị T chấp hành tốt các quy định của pháp luật; Bị đơn anh Lương Văn Đ đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhiều lần nhưng đều vắng mặt không đến Tòa án làm việc nên Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Đ theo quy định pháp luật. Vì vậy có thể xác định anh Lương Văn Đ đã cố tình trốn tránh nghĩa vụ của mình, nên vụ án được giải quyết theo thủ tục chung.

- *Về việc giải quyết vụ án:* Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 179, điểm e khoản 1 Điều 192; các Điều 227, 228, 235, 238, 266, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị T.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị Trần Thị T được ly hôn với anh Lương Văn Đ.

- *Về con chung:* Giao các con chung là cháu Lương Ngọc Y, sinh ngày 20/6/2012, cháu Lương Thị Mai T, sinh ngày 17/9/2014 và cháu Lương Trung H, sinh ngày 07/12/2017 cho anh Lương Văn Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Chị Trần Thị T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Lương Văn Đ cho các cháu Lương Ngọc Y, cháu Lương Thị Mai T, cháu Lương Trung H với mức cấp dưỡng là 500.000 đồng/cháu/tháng (tức 1.500.000đồng/3cháu/tháng); Phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng; Thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 7/2025 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi trưởng thành; Chị Trần Thị T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở, ngăn cấm; Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn theo quy định.

- *Về án phí:* Chị Trần Thị T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nhưng thuộc trường hợp được miễn nên đề nghị miễn án phí cho chị T theo quy định của pháp luật; Anh Lương Văn Đ không phải chịu tiền án phí.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo bản án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

- *Về thẩm quyền:* Chị Trần Thị T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Lương Văn Đ nên xác định đây là vụ án “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; Theo thông tin chị T cung cấp và Tòa án xác minh thì hiện nay bị đơn anh Lương Văn Đ là công dân đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn T 1, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân

huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc vắng mặt của bị đơn anh Lương Văn Đ tại phiên tòa: Qua xác minh tại gia đình và chính quyền địa phương nơi anh Đ cư trú cung cấp: Anh Đ vẫn thường xuyên cư trú tại địa phương, trước khi chị T nộp đơn ly hôn lên Tòa án thì chị T đã thông báo cho anh Đ biết việc chị T sẽ làm đơn ly hôn với anh Đ gửi Tòa án giải quyết, anh Đ biết nhưng không đến Tòa án làm việc. Vì vậy Tòa án đã tiến hành các thủ tục theo quy định pháp luật về thủ lý vụ án, mở phiên họp công khai chứng cứ, xét xử thông qua chị Trần Thị T (vợ anh Đ), gia đình anh Đ và chính quyền địa phương. Như vậy người bị kiện là anh Lương Văn Đ đã cố tình trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án tiến hành thủ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục chung theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Lương Văn Đ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Lương Văn Đ được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 28/5/2012 tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Như vậy, quan hệ hôn nhân của chị T và anh Đ là hợp pháp.

Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng trong thời gian đầu chung sống hạnh phúc bình thường, sau đó vợ chồng đi làm ăn xa đến năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị T và anh Đ là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm sống. Chị T xác định không còn tình cảm với anh Đ, mâu thuẫn vợ chồng đã quá căng thẳng, trầm trọng, không thể đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con cái. Thực tế chị T và anh Đ đã sống ly thân nhau mỗi người một nơi, không ai quan tâm thăm hỏi gì đến nhau nữa. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh Đ đã quá căng thẳng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể đoàn tụ để xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con cái. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị T và xử cho chị T được ly hôn với anh Lương Văn Đ theo quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị T và anh Lương Văn Đ có 03 con chung là cháu Lương Ngọc Y, sinh ngày 20/6/2012, cháu Lương Thị Mai T, sinh ngày 17/9/2014 và cháu Lương Trung H, sinh ngày 07/12/2017.

Quá trình giải quyết vụ án xác định, từ khi chị Trần Thị T và anh Lương Văn Đ sống ly thân nhau đến nay thì cả ba con chung vẫn trực tiếp ở cùng anh Lương Văn Đ và do anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; Căn cứ kết quả xác minh tại địa phương thì cuộc sống của cả ba con chung của chị T và anh Đ vẫn đảm bảo cả về tinh thần, vật chất và được học tập đầy đủ; Chị Trần Thị T nhất trí để anh Đ được trực tiếp nuôi cả ba con chung và chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Đ; Các con chung đều có nguyện vọng được ở cùng với bố cháu

là anh Lương Văn Đ. Để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt của các cháu. Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao các cháu Lương Ngọc Y, sinh ngày 20/6/2012, cháu Lương Thị Mai T, sinh ngày 17/9/2014 và cháu Lương Trung H, sinh ngày 07/12/2017 cho anh Lương Văn Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Chị Trần Thị T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Lương Văn Đ cho các cháu Lương Ngọc Y, cháu Lương Thị Mai T, cháu Lương Trung H với mức cấp dưỡng là 500.000 đồng/cháu/tháng (tức 1.500.000đồng/3cháu/tháng); Phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng; Thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 7/2025 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi trưởng thành; Chị Trần Thị T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở, ngăn cấm; Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung, đất đai chung và công nợ chung: Chị Trần Thị T xác định chị và anh Lương Văn Đ không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm và tiền án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, tuy nhiên chị T thuộc trường hợp được miễn số tiền án phí trên theo quy định; Anh Lương Văn Đ không phải chịu tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 179, điểm e khoản 1 Điều 192; các Điều 227, 228, 235, 238, 266, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị T được ly hôn với anh Lương Văn Đ.

2. Về con chung: Giao các con chung là cháu Lương Ngọc Y, sinh ngày 20/6/2012, cháu Lương Thị Mai T, sinh ngày 17/9/2014 và cháu Lương Trung H, sinh ngày 07/12/2017 cho anh Lương Văn Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Chị Trần Thị T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Lương Văn Đ cho các cháu Lương Ngọc Y, cháu Lương Thị Mai T, cháu Lương Trung H với mức cấp dưỡng là 500.000 đồng/cháu/tháng (tức 1.500.000đồng/3cháu/tháng); Phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng; Thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 7/2025 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi trưởng thành; Chị Trần Thị T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở, ngăn cấm; Các đương sự có

quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn theo quy định.

Khoản tiền phải cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và anh Lương Văn Đ có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Trần Thị T chậm nộp thì phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm nộp tương ứng với thời gian chậm nộp. Lãi suất phát sinh thực hiện theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí:

+ Nguyên đơn chị Trần Thị T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nhưng chị T được miễn toàn bộ số tiền án phí trên do thuộc trường hợp là người dân tộc thiểu số (dân tộc Cao Lan) cư trú tại thôn Trung Thành 1, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang là địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật.

+ Bị đơn anh Lương Văn Đ không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị T và anh Lương Văn Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- Chi cục THADS huyện Hàm Yên;
- UBND xã Thành Long (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đức Tùng